

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2008

Số: 02 /2008/TTLT-BKH-NN-TC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất

Căn cứ Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 – 2015 (sau đây gọi là Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg),

Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I - QUY ĐỊNH CHUNG

Những từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. Đất trồng đồi núi trọc để trồng rừng được áp dụng trong Thông tư này là đất đã được quy hoạch cho rừng sản xuất mà ít nhất 3 năm trở lại đây chưa có rừng (trạng thái Ia, Ib, Ic).

2. Tổ chức quốc doanh trong Thông tư này bao gồm: Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng, Lâm trường quốc doanh, Công ty lâm nghiệp, các doanh nghiệp do Nhà nước đang sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên và được Nhà nước giao, cho thuê đất lâm nghiệp.

3. Tổ chức ngoài quốc doanh trong Thông tư này bao gồm: hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà Nhà nước sở hữu dưới 50% vốn điều lệ, công ty hợp danh, cộng đồng dân cư.

4. Các hoạt động lâm sinh trong Thông tư này: trồng rừng và chăm sóc rừng (bao gồm cả xây dựng rừng giống, vườn giống, rừng khảo nghiệm); xây dựng vườn ươm; hoạt động tư vấn lâm sinh (xây dựng dự án, thiết kế kỹ thuật lâm sinh; giao đất, giao rừng, khoán đất trồng rừng); xây dựng đường ranh cản lửa; xây dựng bản đồ trồng rừng.

5. Khoán đất trồng rừng lâu dài: các tổ chức quốc doanh được giao đất, cho thuê đất khi khoán cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì thời gian khoán là thời gian khoán còn lại của quyết định giao đất, hợp đồng cho thuê đất của tổ chức quốc doanh đó với cơ quan có thẩm quyền, nhưng không quá 50 năm.

6. Diện tích khu rừng tập trung là diện tích các lô rừng liền kề nhau hoặc gần kề nhau tạo thành một vùng rừng, trong đó diện tích đất không có rừng không quá 10% tổng diện tích khu rừng tập trung.

II - NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

1. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất

1.1. Xác định chủ đầu tư và phạm vi dự án: chủ đầu tư dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

a) Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi chung là hộ gia đình): căn cứ năng lực hiện có của tổ chức quốc doanh, Hạt Kiểm lâm, Đồn biên phòng (sau đây gọi chung là tổ chức quốc doanh) và căn cứ diện tích đất rừng sản xuất hiện có, ban chỉ đạo cấp huyện thống nhất giao cho mỗi đơn vị xây dựng dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên một số xã nhất định.

b) Các tổ chức ngoài quốc doanh có thể tự xây dựng dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất. Dự án này có thể nằm trùng vào xã của các dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho hộ gia đình nhưng không được trùng về vị trí trên thực địa.

c) Đối với tổ chức ngoài quốc doanh chưa có dự án nhưng có nhu cầu trồng rừng: Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh cho phép xây dựng dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất, sau khi được duyệt dự án này là căn cứ để giao đất, cho thuê đất.

1.2. Nội dung xây dựng dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất:

- a) Xác định diện tích, đối tượng trồng rừng đến năm định hình bao gồm:
 - Trồng rừng mới trên đất trống đồi núi trọc được quy hoạch là đất rừng sản xuất;
 - Trồng rừng sau khai thác từ rừng đã trồng từ nguồn vốn 327 và nguồn vốn 661 nay được quy hoạch thành đất rừng sản xuất;
 - Xác định đối tượng đất được hỗ trợ (xã đặc biệt khó khăn, biên giới, xã khác);
 - Xác định sơ bộ chủ rừng được hỗ trợ (đồng bào dân tộc thiểu số hay đồng bào dân tộc kinh);
 - Xác định tập đoàn cây trồng chủ yếu để khuyến cáo cho chủ rừng.
- b) Lập kế hoạch giao đất, cho thuê đất và khoán đất trồng rừng (theo Mục 2, Thông tư này).
- c) Quy hoạch hệ thống vườn ươm (theo Mục 14, Thông tư này).
- d) Quy hoạch hệ thống đường ranh phòng chống cháy rừng (theo Mục 15, Thông tư này).
- e) Bản đồ tổng thể (tỷ lệ 1:10.000) phân rõ ranh giới vùng dự án.
- g) Tổng vốn đầu tư trong đó nhu cầu vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Nhà nước và ghi rõ dự kiến vốn đầu tư cho từng hạng mục.
- h) Dự kiến kết quả tài chính thu được.
- i) Khả năng huy động vốn của chủ đầu tư.

Trong một số trường hợp quy hoạch hệ thống vườn ươm, lập kế hoạch giao đất, cho thuê đất, khoán đất trồng rừng, quy hoạch hệ thống đường ranh cần lựa chọn có thể được xây dựng thành dự án khác nhưng cần có lý do cụ thể và

được Ban chỉ đạo cấp huyện chấp thuận, chi phí nằm trong mức được giao quy định tại khoản 1.4 Mục này.

1.3. Thẩm định phê duyệt:

a) Đối với dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất cho hộ gia đình do tổ chức quốc doanh lập:

- Sau khi dự án được lập, Ban quản lý dự án (BQLDA) cấp huyện báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện và lấy ý kiến thẩm tra của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT). Sau 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu Sở Nông nghiệp và PTNT không có ý kiến bằng văn bản thì coi như đã đồng ý với dự án. Trong vòng 10 ngày làm việc tiếp theo, BQLDA cấp huyện trình UBND cấp huyện thẩm định và phê duyệt. Quyết định phê duyệt dự án phải được gửi đến thành viên Ban chỉ đạo huyện, BQLDA tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Đối với các tổ chức quốc doanh đã có dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho cá nhân và hộ gia đình nhưng chưa đúng theo quy định về chủ đầu tư và mức hỗ trợ của Quyết định 147/2007/QĐ-TTg, cho phép chủ dự án thực hiện và giải ngân theo quyết định đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến hết năm 2008; đồng thời rà soát, điều chỉnh dự án theo quy định của Thông tư này và báo cáo UBND cấp huyện phê duyệt trước khi UBND cấp tỉnh giao kế hoạch vốn để thực hiện từ năm 2009.

b) Đối với dự án của tổ chức ngoài quốc doanh:

- UBND cấp tỉnh giao cho cơ quan chức năng (Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì đối với dự án trồng rừng và đầu tư các công trình lâm sinh; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì đối với dự án đầu tư tổng hợp) tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt;

- Đối với các tổ chức ngoài quốc doanh đã có dự án đầu tư và có một trong những chủ trương sau của cấp có thẩm quyền: quyết định phê duyệt dự án; quyết định giao đất; hợp đồng cho thuê đất thì chỉ cần lập kế hoạch sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đầu tư theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg trình UBND cấp tỉnh phê duyệt và giao kế hoạch.

1.4. Chi phí lập, thẩm định dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho cá nhân, hộ gia đình được tính 30.000 đ/ha bao gồm cả quy hoạch đường ranh cản lửa, quy hoạch hệ thống vườn ươm và lập kế hoạch giao đất.

2. Trình tự lập kế hoạch giao đất giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoán đất trồng rừng cho tổ chức và hộ gia đình thuộc Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất

2.1. Lập kế hoạch giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khoán đất lâm nghiệp:

a) Nguyên tắc giao đất, cho thuê đất và khoán đất lâm nghiệp:

- Tất cả diện tích đất lâm nghiệp trong dự án phải được giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc cấp bản đồ khoán đất trồng rừng (chỉ ở những nơi chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để trồng rừng, xây dựng vườn ươm, xây dựng rừng giống, vườn giống, trung tâm giống;

- Diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch là rừng sản xuất (hoặc được chuyển đổi từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất) do hộ gia đình nhận khoán của Lâm trường quốc doanh, Công ty nông lâm nghiệp, các đơn vị Nhà nước khác hoặc doanh nghiệp ngoài quốc doanh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước khi thực hiện chương trình sắp xếp đổi mới doanh nghiệp của Nhà nước mà trong vòng 3 năm liên tục người nhận khoán không được hỗ trợ về giống, vật tư, kỹ thuật, hoặc bên giao khoán chỉ dùng nguồn ngân sách Nhà nước để hỗ trợ (Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, hoặc chương trình 327 trước đây), thực chất bên giao khoán chỉ khoán trắng, thu địa tô thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi diện tích này để giao, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Trường hợp diện tích đất lâm nghiệp nằm trong quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến gỗ cụ thể đã được phê duyệt khi trồng rừng theo Quyết định 147/2007/QĐ-TTg thì không phải thu hồi diện tích đất trên mà chuyển sang khoán đất trồng rừng ổn định lâu dài cho người nhận khoán. Phân chia sản phẩm theo tỷ lệ góp vốn cụ thể của mỗi bên và giá bán sản phẩm theo giá thị trường được các bên chấp thuận theo hợp đồng giao khoán. Nếu bên giao khoán đất không góp vốn đầu tư thì người nhận khoán chỉ phải nộp phí quản lý theo quy định tại Mục 2 Điều 6 Quyết định 147/2007/QĐ-TTg.

b) Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp phải thu hồi trình UBND cấp tỉnh quyết định, giao cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a, khoản này.

c) Căn cứ vào quy hoạch 3 loại rừng đã được duyệt và nguyên tắc giao đất, thu hồi đất, BQLDA cấp huyện chủ trì lập kế hoạch giao đất, cho thuê đất, khoán đất trồng rừng, tiến hành thông báo và tham vấn người dân và cộng đồng tại chỗ để chỉnh sửa kế hoạch (nếu cần). Sau đó thuê các đơn vị có chức năng đo đạc, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Nội dung lập kế hoạch giao đất: xác định diện tích đất trong vùng dự án trong đó phân rõ diện tích đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất cần phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc khoán đất trồng rừng, diện tích đất cần phải thu hồi để chuyển sang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng đối với diện tích đất khoán (không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), khi khoán đất bên giao khoán phải lập bản đồ khoán đất tỷ lệ 1/5000 có xác nhận của UBND cấp huyện để giao cho người nhận khoán.

2.3. Chi phí giao đất, giao rừng khoán đất trồng rừng (đến khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

a) Chi phí giao đất, cho thuê đất, khoán đất lâm nghiệp cho hộ gia đình bình quân là 200.000đ/ha, chi phí cụ thể do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi phí giao đất, cho thuê đất cho tổ chức ngoài quốc doanh là 100.000đ/ha (từ khâu lập phương án đến khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Chủ đầu tư được phép tự lập thiết kế dự toán, phê duyệt chi phí giao đất, cho thuê đất và triển khai theo kế hoạch được giao.

2.4. Thời gian hoàn chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trong vòng 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng trồng rừng.

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ đầu tư trồng rừng (hỗ trợ trước)

3.1. Đối với hộ gia đình

a) Điều kiện để được hỗ trợ trước là thôn phải có ít nhất 50 ha đất tập trung trở lên để trồng rừng. Không hỗ trợ trước cho diện tích nhỏ, lẻ.

b) Trình tự, thủ tục hỗ trợ

- Căn cứ kế hoạch hỗ trợ trồng rừng được giao 3 năm và diện tích đất của dự án, BQLDA cấp huyện có văn bản thông báo tới tất cả các xã và tổ chức hợp với từng thôn bản để phổ biến kế hoạch trồng rừng, địa điểm trồng rừng, các biện pháp quản lý bảo vệ, đề bàn bạc sửa đổi (nếu cần), đi đến nhất trí của 70% số người tham dự trở lên và cung cấp mẫu đơn đề nghị trồng rừng cho hộ gia đình;

- Nếu có nhu cầu trồng rừng, hộ gia đình làm đơn (theo mẫu kèm theo) có xác nhận của trưởng thôn gửi cho UBND xã. Sau 10 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn, UBND xã phải tổng hợp nhu cầu trồng rừng trên địa bàn bao gồm danh sách các hộ, diện tích và địa điểm trồng rừng từng hộ theo thứ tự ưu tiên và được niêm yết công khai tại UBND xã và gửi BQLDA cấp huyện;

- Căn cứ vào đơn, biên bản họp dân, diện tích đất được quy hoạch và kế hoạch trồng rừng được duyệt, BQLDA cấp huyện phối hợp cùng với UBND cấp xã, thôn thống nhất trình UBND cấp huyện phê duyệt danh sách các hộ tham gia trồng rừng, diện tích trồng, địa điểm trồng;

- Sau khi được UBND cấp huyện phê duyệt danh sách các hộ trồng rừng, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo công khai tại UBND xã và ký hợp đồng trồng rừng và có bản hướng dẫn kỹ thuật cho hộ gia đình theo danh sách đã được phê duyệt.

c) Hỗ trợ trước được thanh toán làm hai lần. Năm đầu tiên hỗ trợ chi phí cây giống và phân bón trồng rừng (nếu có). Số tiền còn lại (nếu còn) sẽ được thanh toán vào năm thứ 3 sau khi nghiệm thu rừng.

d) Nghiệm thu, thanh quyết toán:

- Hàng năm khi rừng đạt tiêu chuẩn nghiệm thu, chủ đầu tư thông báo lịch nghiệm thu cho tất cả các chủ rừng và Ban phát triển rừng xã, Ban phát triển rừng thôn. Căn cứ lịch nghiệm thu, chủ đầu tư chủ trì, mời Ban phát triển rừng xã, Ban phát triển rừng thôn làm thành viên để nghiệm thu cho chủ rừng;